

KẾ HOẠCH

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Công văn số 3803/BKHCN-HVCL ngày 11/8/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Khung hướng dẫn địa phương định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế; Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 13/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình số 61-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 283-KH/TU ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 11/7/2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về triển khai các nhiệm vụ trọng tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; căn cứ Nghị quyết số **0234**/NQ-UBND ngày **21**/10/2025 của UBND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030 với các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN và ĐMST) trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, chuyển đổi sang kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Phát triển bền vững lĩnh vực KHCN và ĐMST, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2026-2030.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KHCN và ĐMST của tỉnh, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 569/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành, UBND các cấp cần nhận thức rõ tầm quan trọng và vai trò then chốt của KHCN và ĐMST trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đảm bảo kế hoạch được triển khai đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp để đạt mục tiêu đề ra.

- Tăng cường huy động nguồn lực, cả ngân sách nhà nước và xã hội hóa để đầu tư phát triển KHCN và ĐMST hiệu quả, bền vững.

- Thực hiện nghiêm túc việc theo dõi, đánh giá, tổng kết và cập nhật Kế hoạch phù hợp với thực tiễn và các yêu cầu phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, khuyến khích sáng tạo và ứng dụng KHCN rộng rãi trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI VÀ ĐỊNH HƯỚNG ƯU TIÊN

1. Mục tiêu chung

Phát triển KHCN và ĐMST tỉnh Đắk Lắk trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập sâu rộng vào khu vực trong giai đoạn 2026-2030. Hướng tới xây dựng hệ sinh thái ĐMST đồng bộ, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, kinh doanh và đời sống, tạo bước đột phá trong chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP: $\geq 42\%$. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP: Đạt 30% .

- Tỷ trọng đóng góp của KHCN và ĐMST vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh (GRDP) phấn đấu đạt: $4 - 5\%$, trong đó: KHCN: $1 - 1,5\%$; Đổi mới sáng tạo: $3 - 3,5\%$.

- Số lượng kết quả KHCN được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu $\geq 50\%$.

- Số lượng nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh triển khai mỗi năm ≥ 30 .

- Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST trên 01 vạn dân là 12 người.

- Tổ chức KHCN công lập trực thuộc tỉnh: ≥ 06 tổ chức.

- Số lượng doanh nghiệp KHCN hình thành từ hoạt động KHCN đạt 25 doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp KHCN hình thành từ hoạt động ĐMST đạt 20 doanh nghiệp. Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII): Thuộc nhóm 22 tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Phát triển Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: ≥ 15 doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST: Đạt 30% tổng số doanh nghiệp. Hướng dẫn, hỗ trợ đổi mới công nghệ cho 500 doanh nghiệp.

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích: Hình thành từ hoạt động KHCN: Tăng dần từ 5 - 10 đơn/năm đến 2030; hình thành từ hoạt động ĐMST: Tăng dần từ 5 - 15 đơn/năm đến 2030.

- Hướng dẫn hỗ trợ 75 sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới được hình thành hoặc cải tiến từ hoạt động KHCN. Hỗ trợ 75 sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới được hình thành hoặc cải tiến từ hoạt động ĐMST.

- Phát triển và nâng cao năng lực hạ tầng chất lượng của địa phương (hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, thử nghiệm, chứng nhận) đồng bộ với trình độ công nghệ.

- Hình thành hệ sinh thái ĐMST vận hành hiệu quả, với tổ chức trung gian, không gian sáng tạo, nền tảng số hoặc trung tâm điều hành thông minh.

3. Nguyên tắc triển khai

Tiếp cận theo hướng phát triển: Các nhiệm vụ KHCN và ĐMST được triển khai không chỉ nhằm hoàn thành quy trình hành chính, mà phải lấy hiệu quả thực tiễn và tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk làm thước đo chủ đạo. Mọi kết quả nghiên cứu cần chứng minh được tác động đến năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, đóng góp vào tăng trưởng GRDP và nâng cao đời sống người dân.

Ngân sách nhà nước là vốn đầu tư phát triển: Nguồn ngân sách dành cho KHCN và ĐMST được xác định là nguồn lực đầu tư phát triển, tập trung ưu tiên cho các nhiệm vụ có địa chỉ ứng dụng cụ thể, có sản phẩm đầu ra rõ ràng, được doanh nghiệp, tổ chức, địa phương tiếp nhận và ứng dụng ngay. Việc quản lý kinh phí chuyên dần từ hình thức tiền kiểm sang hậu kiểm, nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ.

Đồng tài trợ công tư: Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học – công nghệ ngoài ngân sách tham gia ngay từ khâu thiết kế, đề xuất, tổ chức thực hiện cho đến thương mại hóa, ứng dụng kết quả nghiên cứu. Cơ chế tài chính mở theo hướng cùng góp vốn, cùng hưởng lợi, cùng chia sẻ rủi ro, qua đó tăng hiệu quả sử dụng ngân sách và nâng cao cam kết ứng dụng thực tiễn.

Công khai, minh bạch, đo lường bằng dữ liệu: Toàn bộ quy trình từ tuyển chọn, thẩm định, xét duyệt, nghiệm thu đến đánh giá kết quả phải công khai, minh bạch, được quản lý bằng nền tảng số hóa liên thông với cơ sở dữ liệu quốc

gia. Hệ thống chỉ số đánh giá cụ thể, rõ ràng, có thể đo lường bằng dữ liệu sẽ được áp dụng để giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo thời gian thực.

Đồng bộ với các chính sách ưu đãi hiện hành: Các hoạt động KHCN và ĐMST được triển khai gắn liền với việc tận dụng, kết nối và đồng bộ cùng các chính sách ưu đãi hiện có của Trung ương và của tỉnh, bao gồm: Chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, thuế, đất đai, cơ chế hỗ trợ cho tổ chức trung gian, doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

4. Định hướng ưu tiên

Chuyển từ hỗ trợ nghiên cứu sang hỗ trợ ứng dụng và thương mại hóa công nghệ: Trọng tâm giai đoạn tới là ưu tiên nhiệm vụ có khả năng triển khai nhanh, tạo sản phẩm thương mại hóa, gắn trực tiếp với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường. Các nhiệm vụ nghiên cứu chỉ được xem xét khi có địa chỉ ứng dụng rõ ràng và tiềm năng tạo giá trị gia tăng cho tỉnh.

Lấy doanh nghiệp làm trung tâm, Nhà nước kiến tạo, trường viện đồng hành: Doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm ĐMST, là hạt nhân tiếp nhận, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo thể chế, hỗ trợ nguồn lực và môi trường thuận lợi, trong khi các trường đại học, viện nghiên cứu đồng hành cung cấp tri thức, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực. Cơ chế phối hợp “liên kết ba nhà” (Nhà nước – Nhà khoa học – Doanh nghiệp) được tăng cường để nâng cao hiệu quả triển khai.

Ưu tiên lĩnh vực có tiềm năng đổi mới cao, lan tỏa mạnh và phù hợp với thế mạnh của tỉnh, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực: Nông nghiệp công nghệ cao (chọn tạo giống, công nghệ sinh học, tưới tiết kiệm, canh tác bền vững, nông nghiệp số, nông nghiệp hữu cơ); Công nghiệp chế biến (đặc biệt là chế biến nông sản chủ lực như cà phê, hồ tiêu, cao su, trái cây; chế biến sâu gắn với xuất khẩu); Năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối); Du lịch và dịch vụ du lịch thông minh (gắn với bảo tồn văn hóa bản địa, cảnh quan sinh thái, phát triển sản phẩm đặc thù); Logistics (trung tâm kho vận, hạ tầng chuỗi cung ứng); Công nghệ số, đô thị thông minh, phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế số.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý KHCN và ĐMST: Xây dựng hệ thống quản lý, điều hành các hoạt động KHCN và ĐMST dựa trên nền tảng số, bao gồm: Bản đồ số tài sản trí tuệ, bản đồ công nghệ, dữ liệu về tổ chức trung gian, doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Các chỉ số hiệu quả được cập nhật, theo dõi và đo lường theo thời gian thực.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống tiêu chuẩn - đo lường - thử nghiệm - chứng nhận đồng bộ với trình độ công nghệ, bảo đảm tương thích với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Đây là cơ sở quan trọng để hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh vượt qua rào cản kỹ thuật trong thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh, đưa sản phẩm ĐMST ra thị trường trong và ngoài nước.

Tỉnh Đắk Lắk chủ động tham gia và thúc đẩy liên kết với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng ĐMST quốc gia, qua đó tận dụng lợi thế so sánh, mở rộng hợp tác nghiên cứu, phát triển công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất – kinh doanh. Liên kết vùng tạo ra hiệu ứng lan tỏa KHCN, giúp địa phương hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và quốc gia.

III. GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KHCN và ĐMST

a) Các sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan; coi công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KHCN và ĐMST là nhiệm vụ thường xuyên. Tăng cường truyền thông đa phương tiện, kết hợp kênh truyền thống (báo in, phát thanh, truyền hình) với kênh hiện đại (nền tảng số, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động) để tiếp cận hiệu quả đến mọi tầng lớp Nhân dân. Nội dung tuyên truyền được thiết kế phù hợp từng nhóm đối tượng, chú trọng phổ biến kết quả nghiên cứu, mô hình ứng dụng thành công, điển hình ĐMST nhằm tạo sức lan tỏa.

b) Các cơ quan truyền thông, báo chí đẩy mạnh tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của KHCN và ĐMST trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tập trung phổ biến thành tựu, kiến thức KHCN và ĐMST và nhân rộng các kết quả nghiên cứu có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất, đời sống.

c) Nâng cao chất lượng bản tin, chuyên mục về KHCN và ĐMST đáp ứng yêu cầu số hóa. Đa dạng hóa hình thức, nội dung truyền thông về hợp tác KHCN và ĐMST trong hội nhập quốc tế; phổ biến các cam kết quốc tế (WTO, ASEAN, FTA thế hệ mới) và văn bản pháp luật về KHCN và ĐMST.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy.

- Thời gian: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, hỗ trợ đổi mới công nghệ, phát triển sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp sáng tạo; tăng hợp tác công tư

a) Sắp xếp lại hệ thống tổ chức KHCN và ĐMST phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức KHCN và ĐMST công lập thời kỳ 2026-2030, tầm nhìn đến 2040. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KHCN và ĐMST.

b) Bổ sung, hoàn thiện các quy định khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào KHCN và ĐMST; rà soát, sửa đổi các thủ tục hành chính trong quản lý KHCN và ĐMST; tiếp tục cụ thể hóa các quy định của pháp luật về KHCN và ĐMST phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

c) Hỗ trợ xây dựng và phát triển các trung tâm ươm tạo công nghệ, ươm

tạo doanh nghiệp KHCV và ĐMST, doanh nghiệp ĐMST, không gian làm việc chung của Trung tâm ĐMST tỉnh trên địa bàn tỉnh. Rà soát các văn bản Trung ương ban hành và điều kiện cụ thể tại địa phương để trình HĐND tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân bảo hộ, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ, trong đó chú trọng đến các sản phẩm liên quan đến nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương, sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP).

d) Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong việc thực hiện nhiệm vụ KHCV và ĐMST. Tăng cường liên kết giữa tổ chức KHCV và ĐMST với doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thực hiện tốt chính sách khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp gắn kết với các Viện, Trường để đưa nhanh kết quả nghiên cứu KHCV và ĐMST vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.

e) Điều chỉnh cơ cấu trong dự toán chi ngân sách tỉnh cho KHCV và ĐMST phù hợp với năng lực và định hướng phát triển KHCV và ĐMST quốc gia, các ngành, địa phương và đóng góp của các ngành, lĩnh vực vào GRDP. Hằng năm dành khoảng 1% - 1,5% trong tổng chi ngân sách địa phương cho KHCV và ĐMST.

g) Phát huy vai trò các tổ chức xã hội trong hoạt động KHCV và ĐMST. Thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo của tổ chức, khởi nghiệp ĐMST, hỗ trợ các hội thi, cuộc thi về sáng tạo KHCV và ĐMST; các hiệp hội doanh nghiệp thực hiện các hoạt động ĐMST.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.
- Thời gian: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

3. Triển khai các định hướng, nhiệm vụ KHCV và ĐMST gắn với việc thực hiện các Chương trình KHCV và ĐMST trọng điểm của tỉnh và quốc gia, bảo đảm tập trung nguồn lực, tránh dàn trải.

3.1. Chương trình khoa học xã hội và nhân văn, Giáo dục, Văn hóa, Du lịch - Chính sách phát triển bền vững, bảo tồn văn hóa, du lịch thông minh, giáo dục số.

*** Về nhiệm vụ:**

a) Về văn hóa - xã hội

- Nghiên cứu về chính sách: Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở địa phương; nâng cao hiệu quả quản trị công và quản trị doanh nghiệp; cải cách thủ tục hành chính.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của

tỉnh; các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

- Nghiên cứu những yếu tố sinh thái, địa lý, dân tộc, văn hóa có ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới nhằm đề xuất những chính sách đặc thù cho xây dựng nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng điểm mô hình nông thôn mới gắn với phát triển ngành nghề sản xuất hàng hóa và ứng dụng công nghệ cao.

- Nghiên cứu các giải pháp khoa học nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về ổn định xã hội, giáo dục, văn hóa, dân tộc, an ninh - quốc phòng. Cung cấp những luận cứ khoa học cho việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu các vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội, cơ cấu lao động, phân hóa giàu nghèo, thu nhập thấp, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, tìm giải pháp quản lý và các chính sách, tạo môi trường cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu các vấn đề về bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa bản địa, văn hóa cộng đồng gắn với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của các dân tộc ít người;

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách phục vụ phát triển nông thôn mới, thực hiện xã hội hóa về văn hóa, giáo dục - đào tạo, thể dục, thể thao.

- Nghiên cứu xác định những hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, các công cụ quản lý rủi ro thích hợp cho các ngành hàng trọng điểm.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm tỉ lệ hộ nghèo, tăng thu nhập theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Thực trạng và giải pháp tăng cường xuất khẩu lao động cho thanh niên.

- Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa ĐMST; phát triển văn hóa số, văn hóa khởi nghiệp; bảo tồn văn hóa gắn với du lịch thông minh.

b) Về du lịch

- Nghiên cứu các vấn đề kinh tế du lịch với đặc thù của tỉnh về điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng; nghiên cứu các vấn đề về kinh tế và văn hóa phục vụ cho phát triển du lịch (sinh thái, làng nghề, cảnh quan, di tích lịch sử...).

- Nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm du lịch theo hướng kết hợp giữa du lịch tham quan với du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, du lịch văn hóa bản địa, tâm linh, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch biển, làng nghề... ở tỉnh Đắk Lắk.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, thiết kế các tuyến, điểm du lịch kết nối với hoạt động du lịch trong vùng; các sản phẩm du lịch đặc thù. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0 để quảng bá, xây dựng các hành trình/hình thức du lịch trên bản đồ; ứng dụng bộ

nhận diện thương hiệu tỉnh Đắk Lắk trong quảng bá, xúc tiến du lịch.

- Nghiên cứu phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tài nguyên thiên nhiên, đặc thù kinh tế - xã hội địa phương để phát triển sản phẩm du lịch mới.

- Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch (du lịch thông minh) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ trong thanh toán dịch vụ du lịch hướng tới hạn chế thanh toán bằng tiền mặt, hướng dẫn và khuyến khích khách du lịch sử dụng các hình thức thanh toán điện tử trên các thiết bị thông minh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để thống kê, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Du lịch, kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Khuyến khích các doanh nghiệp du lịch quy mô lớn, có thương hiệu trong và ngoài nước phát triển thành lực lượng nòng cốt, giữ vai trò định hướng phát triển sản phẩm, thị trường du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch cao cấp, có giá trị cao; tập trung phát triển số lượng lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, tăng cường tính kết nối trong chuỗi giá trị du lịch; thúc đẩy phát triển các mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp du lịch ứng dụng công nghệ thông tin, du lịch thông minh, du lịch sáng tạo, du lịch cộng đồng.

c) Về giáo dục và đào tạo

- Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu của KHCN và ĐMST trong dạy học và quản lý giáo dục. Ứng dụng các tiến bộ KHCN trong giáo dục và đào tạo ở các cấp học, ngành học để nâng cao hiệu quả toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Triển khai nhân rộng việc ứng dụng các sáng kiến kinh nghiệm dạy học; nghiên cứu đưa việc giảng dạy STEM vào học đường, ứng dụng các phần mềm trong giảng dạy trực tuyến.

- Nghiên cứu các vấn đề về đào tạo nghề cho lao động vùng nông thôn, các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường, trung tâm đào tạo nghề.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.

- Thời gian: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

3.2. Chương trình KHCN trong nông nghiệp và biến đổi khí hậu, giống cây con chủ lực, nông nghiệp tuần hoàn, ứng dụng AI, IoT

*** Về nhiệm vụ:**

a) Về trồng trọt

- Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KHCN và ĐMST (công nghệ cao mới, công nghệ thông tin, công nghệ 4.0 và công nghệ sinh học) trong chọn tạo, nhân giống đối với những cây trồng chủ lực, có năng suất, chất lượng; cây rau, hoa, củ quả có tiềm năng thế mạnh thị trường (sản xuất hàng hóa, vùng nông nghiệp).

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình tái canh cây cà phê bảo đảm giữ vững sản lượng và tăng chất lượng sản phẩm; các mô hình tưới nước tiết kiệm kết hợp áp dụng quy trình canh tác giảm phát thải khí nhà kính, hợp lý hóa quy trình sản xuất;

- Mở rộng ứng dụng các chế phẩm sinh học, sử dụng bón phân hợp lý, áp dụng các quy trình thực hành nông nghiệp tốt, các bộ tiêu chuẩn sản xuất bền vững.

- Nghiên cứu bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm đặc thù của tỉnh. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp có chứng nhận (GAP, Global Gap...), kết hợp nông nghiệp và du lịch sinh thái.

- Nghiên cứu quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu cây trồng có giá trị kinh tế cao cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến sâu.

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hữu cơ tại địa phương.

- Nghiên cứu các loại bệnh hại cây trồng; ứng dụng các biện pháp cải tạo đất trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các nhiệm vụ theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh.

b) Về chăn nuôi, thủy sản

Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu giống mới (công nghệ sinh học, công nghệ gen, chỉ thị phân tử) trong phát triển đàn đại gia súc, gia cầm, thủy sản nước ngọt và nước lợ. Lai tạo, chọn lọc hình thức chăn nuôi thích hợp cho vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế cao. Xây dựng mô hình chăn nuôi một số loài động vật, thủy sản mới, quý hiếm, có giá trị bảo tồn nguồn gen và thương mại.

Ứng dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến (IoT, AI, tự động hóa) trong quản lý trang trại, bảo đảm chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế cao, sản xuất sản phẩm có quy mô hàng hóa, đạt thương hiệu và truy xuất nguồn gốc. Nghiên cứu, ứng dụng sản xuất thức ăn chăn nuôi bền vững, thay thế sản phẩm nhập ngoại, thức ăn có nguồn gốc hữu cơ và tận dụng phụ phẩm nông nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng các quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi dự trữ phù hợp, thức ăn tinh chất lượng cao, thức ăn chức năng nhằm nâng cao sức khỏe vật nuôi, giảm thiểu kháng sinh.

Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản theo hướng sinh học, hữu cơ và an toàn dịch bệnh với các giống, loài đặc hữu của địa phương, giống mới có nhiều ưu thế thể trạng, năng suất, chất lượng; ứng dụng các giải pháp kỹ

thuật tiên tiến (chuồng trại thông minh, hệ thống kiểm soát vi khí hậu, quản lý môi trường tự động) trong chăn nuôi.

Nghiên cứu các loại bệnh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển các loại vắc-xin, kit chẩn đoán nhanh, quy trình phòng và chữa trị tiên tiến (sử dụng thảo dược, chế phẩm sinh học) nhằm kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản, hướng tới chăn nuôi giảm kháng sinh.

Ứng dụng, chuyển giao giống thủy sản mới, áp dụng quy trình sản xuất giống sạch bệnh (SPF), quản lý tổng hợp dịch bệnh thủy sản; ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến sâu thủy sản sau thu hoạch (công nghệ lạnh, sấy, đóng gói hiện đại) để nâng cao giá trị gia tăng.

Phát triển các mô hình chăn nuôi tuần hoàn, khép kín, tận dụng chất thải chăn nuôi để sản xuất biogas, phân bón hữu cơ, góp phần giảm phát thải và bảo vệ môi trường. Ứng dụng các giải pháp công nghệ số (phần mềm quản lý trang trại, blockchain) trong truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường...

c) Về lâm nghiệp

- Nghiên cứu, đánh giá khả năng sinh trưởng và hiệu quả kinh tế - xã hội của các cây trồng chuyển đổi từ đất rừng khộp nghèo.

- Ứng dụng các tiến bộ KHCN và ĐMST mới trong phát triển, làm giàu, quản lý khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng, chi trả dịch vụ rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, cơ chế bù trừ, thương mại, cơ chế hưởng lợi tín chỉ các bon từ rừng.

- Nghiên cứu sinh sản voi nhà tự nhiên và nhân tạo; phát triển gây nuôi động vật hoang dã dưới tán rừng.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám đa tầng kết hợp với trí tuệ nhân tạo (AI) để phát hiện sớm và tự động các điểm nóng mất rừng, cháy rừng, và khai thác gỗ trái phép trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt tại các khu vực nhạy cảm.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, và trữ lượng carbon rừng.

d) Về nông thôn mới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHCN và ĐMST (*nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ sau thu hoạch, sản xuất vật liệu xây dựng địa phương, năng lượng tái tạo*) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao thu nhập và bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì, truy xuất nguồn gốc số và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc thù, nhất là các sản phẩm do đồng bào dân tộc thiểu số làm chủ.

Hỗ trợ xây dựng và phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, các mô hình hợp tác xã kiểu mới, hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao tại các vùng nông thôn và miền núi. Nghiên

cứu, phát triển các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với chuỗi giá trị nông sản an toàn, hữu cơ, có truy xuất nguồn gốc minh bạch bằng công nghệ số (blockchain, QR code) ở các ngành hàng chủ lực và đặc sản địa phương. Khuyến khích các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh tại các hợp tác xã.

Nghiên cứu các chương trình nâng cao năng lực, chuyển giao kỹ thuật sản xuất tiên tiến, bền vững cho các hộ gia đình, hợp tác xã và cộng đồng tại vùng nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các chương trình xây dựng thương hiệu, tiếp thị số (digital marketing), kết nối thị trường thông qua các sàn thương mại điện tử để giúp người dân chủ động trong tiêu thụ sản phẩm.

Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp KHCN phù hợp để bảo tồn và phát huy giá trị tri thức bản địa, giống cây trồng vật nuôi đặc hữu, làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng và kinh tế địa phương, các sản phẩm du lịch trải nghiệm dựa trên nền tảng văn hóa bản địa và ứng dụng công nghệ.

Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công nghệ trong cung cấp dịch vụ công thiết yếu (y tế từ xa, giáo dục trực tuyến, thông tin thị trường) cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thu hẹp khoảng cách số.

d) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Nghiên cứu ứng dụng, tìm giải pháp KHCN và ĐMST đối phó với biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến phát triển tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái và đa dạng sinh học, lĩnh vực nông lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật, năng lượng, môi trường, y tế và sức khỏe cộng đồng.

- Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu trên một số cây trồng, vật nuôi của địa phương để có giải pháp giảm nhẹ tác động do biến đổi khí hậu; giảm thiểu khí nhà kính, đề xuất các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trên một số lĩnh vực nhất là trong nông nghiệp (chuyển đổi cây con, mùa vụ...).

- Ứng dụng công nghệ vật liệu mới, thiết bị mới, công nghệ tiên tiến trong thiết kế, thi công và bảo vệ các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; áp dụng các biện pháp kỹ thuật ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ và cải tạo đất. Chuyển giao ứng dụng KHCN và ĐMST phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, phục vụ hiệu quả mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển, ứng dụng chuyển giao công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại tái chế chất thải, sử dụng tài nguyên và phục hồi môi trường, ứng dụng chuyển giao công nghệ thu hồi và lưu trữ carbon ở các nhà máy và các cơ sở sản xuất phát thải CO² khác, công nghệ tiên tiến xử lý môi trường, giám sát, kiểm soát ô nhiễm môi trường.

- Liên kết nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong điều tra cơ bản, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, dự báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ hiện đại như GIS, viễn thám, trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, dữ liệu lớn (Big Data), blockchain, điện toán đám mây...

trong quản lý tài nguyên và môi trường (giám sát chất lượng môi trường, nguồn thải, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản) cũng như trong quản lý nhà nước, sản xuất nông nghiệp, logistics và thương mại điện tử.

e) Công nghệ xây dựng, giao thông và hạ tầng tiên tiến, thông minh

Làm chủ các kỹ thuật cao xử lý nền móng, xói lở. Nghiên cứu, tiếp thu, làm chủ kỹ thuật và các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng các công trình hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đô thị thông minh.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

3.3. Năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ, công nghệ, Tiêu chuẩn quản lý tiên tiến, phát triển thương hiệu, ứng dụng công nghệ mới

*** Về nhiệm vụ**

a) Về nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, hợp tác xã về năng suất và chất lượng; Triển khai dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh (nội dung liên quan đến KHCN và ĐMST);

- Xây dựng, thúc đẩy phong trào nâng cao năng suất và chất lượng thông qua việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến kết hợp với áp dụng các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; đổi mới, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ; xây dựng, bảo hộ sở hữu trí tuệ và phát triển hệ thống thương hiệu của tỉnh;

- Tập huấn, đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tham gia hội chợ và thiết bị; tiến hành nghiên cứu ĐMST; đổi mới công nghệ, tạo ra các công nghệ mới, nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu ứng dụng, đổi mới thiết bị công nghệ theo hướng ưu tiên các công nghệ tiên tiến, các công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ 4.0...) trong các doanh nghiệp; nghiên cứu các vấn đề KHCN và ĐMST liên quan đến phát triển các ngành công nghiệp chế biến sâu, ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; phát triển vật liệu không nung; phát triển điện gió, điện mặt trời, nhiên liệu sinh học...

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, ĐMST trong sản xuất các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, các sản phẩm OCOP.

- Hỗ trợ đổi mới, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, ĐMST và phát triển thị trường công nghệ.

- Điều tra, thống kê, đánh giá nhu cầu công nghệ, năng lực giải mã, hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp trong tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn cầu công nghệ và báo cáo phân tích nhu cầu công nghệ của một số lĩnh vực, ngành sản xuất chủ lực của tỉnh.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện những hoạt động cụ thể của Chương trình như: Tập huấn, đào tạo; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, chợ công nghệ và thiết bị, nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ, tạo ra công nghệ mới, nâng cao giá trị gia tăng, năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh.

b) Về sở hữu trí tuệ

- Triển khai việc hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp hợp tác xã, xây dựng, bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Phát triển các hoạt động đăng ký nhãn hiệu; sở hữu công nghiệp và xây dựng hệ thống thương hiệu của tỉnh.

- Hỗ trợ, quản lý và phát triển các sản phẩm chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, sản phẩm tham gia chương trình OCOP đã được chứng nhận.

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa của tỉnh và tăng cường áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc.

c) Triển khai ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực của tỉnh

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, hạ tầng số làm nền tảng, phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, thực hiện thí điểm và từng bước nhân rộng mô hình đô thị thông minh, chuyển đổi số một số ngành trọng điểm, phát triển lao động số, xây dựng môi trường pháp lý cho chuyển đổi số; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu không gian, giải pháp ứng dụng công nghệ viễn thám đa tầng để hỗ trợ phát triển nông nghiệp 4.0; nghiên cứu trí tuệ nhân tạo, ứng dụng khoa học vũ trụ.

- Nghiên cứu, phát triển mô hình chuỗi cung ứng thông minh để dự báo và gắn kết hiệu quả quá trình sản xuất với nhu cầu thị trường. Xây dựng mối liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, tài chính... để tối ưu hóa chi phí và thời gian đưa hàng hóa ra thị trường.

d) Công nghệ năng lượng

- Nghiên cứu ứng dụng, làm chủ các công nghệ năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, công nghệ tích trữ năng lượng tiên tiến,

pin nhiên liệu. Phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến khai thác than hầm lò, công nghệ khai thác dầu, khí khu vực nước sâu, xa bờ ngoài biển, công nghệ nhiệt điện khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG).

- Nghiên cứu và ứng dụng năng lượng nguyên tử, công nghệ hạt nhân và bức xạ trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; các giải pháp bảo đảm an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân, đặc biệt là trong y tế, nông nghiệp, công nghiệp và môi trường.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

3.4. Chương trình ứng dụng Công nghệ sinh học, y dược, bảo tồn nguồn gen

*** Về nhiệm vụ:**

a) Về lĩnh vực nông lâm thủy sản

- Ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trọng chọn tạo, lai giống; ứng dụng giống ưu thế lai.
- Ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong nhân giống mô, tế bào để nhân các giống cây trồng có nhu cầu lớn hoặc có giá trị kinh tế cao.
- Nghiên cứu hoạt chất sinh học từ nguồn gen bản địa phục vụ cho bảo vệ động thực vật, cải tạo đất.
- Nghiên cứu chế phẩm sinh học ứng dụng trong bảo quản các sản phẩm chủ lực của tỉnh; ứng dụng trong bảo quản rau, hoa, quả.
- Ứng dụng công nghệ sinh học như: Công nghệ vi sinh, enzyme, protein phát triển sản xuất phân hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học và các chế phẩm sinh học khác.

b) Về lĩnh vực môi trường

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý các chất thải sinh hoạt, chất thải cụm công nghiệp và chất thải tại các khu chăn nuôi tập trung.
- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học xử lý ô nhiễm môi trường ở các nhà máy chế biến nông sản, nhất là đối với chế biến ướt cà phê, chế biến mủ cao su, tinh bột sắn, bột giấy, mía đường...

c) Về lĩnh vực y, dược

- Nghiên cứu ứng dụng các bộ dụng cụ chẩn đoán, các loại vắc-xin và các chế phẩm sinh học trong chẩn đoán, phòng và điều trị dịch trên con người.
- Nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở người (ghép mô, trị liệu tế bào gốc, can thiệp mạch,

kỹ thuật sinh học phân tử, phẫu thuật nội soi, công nghệ laser, y học hạt nhân).

- Nghiên cứu các phương pháp phòng và điều trị các bệnh đặc thù của tỉnh (các bệnh lây từ vật sang người, bệnh mới xuất hiện, bệnh lạ); nghiên cứu phương pháp chữa bệnh kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; ứng dụng các bài thuốc y dược học cổ truyền và công nghệ bào chế sản xuất thuốc từ nguồn dược liệu địa phương và phổ biến một số cây thuốc có giá trị dược liệu, giá trị kinh tế cao.

- Nghiên cứu và phát triển các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, ứng dụng các bài thuốc y dược học cổ truyền và công nghệ bào chế sản xuất thuốc từ nguồn dược liệu địa phương.

- Nghiên cứu sản xuất nguyên liệu dược (tạo vùng nguyên liệu) phục vụ công nghiệp bào chế thuốc, nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng và sinh phẩm y tế.

- Nghiên cứu các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, phòng và điều trị suy dinh dưỡng, béo phì ở trẻ em, nâng cao sức khỏe sinh sản.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là hoàn thiện các hệ thống quản lý thông tin bệnh viện (HIS) nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm bớt thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian chờ đợi của người bệnh.

d) Về bảo tồn và phát triển nguồn gen

- Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen có nguồn gốc bản địa quý hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế, y học, an ninh, quốc phòng.

- Nghiên cứu phục tráng các giống cây trồng vật nuôi bản địa.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình nuôi trồng các loài cây, con, quý hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế cao.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học: Tế bào, gen, vi sinh trong sản xuất nông nghiệp an toàn, công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.

- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

3.5. Chương trình Khoa học Tự nhiên và kinh tế biển

- Xây dựng nền khoa học cơ bản hiện đại, bám sát các xu hướng của thế giới. Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực tỉnh Đắk Lắk có thế mạnh và nhu cầu để vươn lên đạt trình độ tiên tiến khu vực như toán học, vật lý, hóa học, khoa học sự sống, khoa học trái đất và khoa học biển.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu nhận dạng bản chất, nguyên nhân, tác động của thiên tai, tương tác giữa tự nhiên - con người - xã hội, quá trình biến đổi khí hậu ở tỉnh Đắk Lắk làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất và thực hiện các giải pháp hạn chế, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Đẩy mạnh nghiên cứu liên ngành giữa khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và công nghệ về tài nguyên, vùng biển, hải đảo ven bờ, nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng quy hoạch, hoạch định và hoàn thiện chính sách phát triển bền vững; quản lý và khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai. Cung cấp cơ sở pháp lý, dữ liệu khoa học và bằng chứng lịch sử phục vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo và quản lý tài nguyên, môi trường nội địa.

- Nghiên cứu liên ngành về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, sông suối và vùng biển, nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội địa phương.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bao gồm rừng, đất và vùng biển - hải đảo ven bờ; giải pháp phục hồi đất giải độ phì và đất khô hạn chống sa mạc hóa phục vụ hoạch định, quy hoạch và phát triển bền vững kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp.

- Nghiên cứu, làm chủ công nghệ tiên tiến trong tìm kiếm, thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản, thủy sản, đất rừng, nước, đảm bảo hiệu quả, hợp lý và bền vững; áp dụng nguyên tắc tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì vốn tự nhiên.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong cảnh báo và dự báo thiên tai, hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn, sự cố môi trường; nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu cho cả vùng nội địa và ven biển.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

4. Nhiệm vụ ĐMST

4.1. Hỗ trợ ĐMST thông qua ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ

*** Về nhiệm vụ:**

a) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ

Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin về công nghệ mới trong và ngoài nước thông qua các sàn giao dịch công nghệ, điểm kết nối cung - cầu công nghệ, hội chợ công nghệ - thiết bị, hội thảo, cơ sở dữ liệu công nghệ; tổ chức hoạt

động phân tích, đánh giá nhằm xác định mức độ tiên tiến, khả năng ứng dụng, tính hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của công nghệ; thực hiện định giá công nghệ làm cơ sở cho việc mua bán, chuyển giao, bảo đảm minh bạch và phù hợp với nhu cầu thực tế.

Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các thủ tục, hợp đồng để mua hoặc nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; hướng dẫn doanh nghiệp khai thác và sử dụng hợp pháp các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, phần mềm và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác, tăng khả năng đổi mới, nâng cao giá trị sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm để nắm vững nguyên lý, kỹ thuật của công nghệ được chuyển giao; từng bước làm chủ công nghệ thay vì chỉ phụ thuộc vào nhà cung cấp; đồng thời, tổ chức các hoạt động cải tiến, điều chỉnh nhằm tối ưu hóa công nghệ cho phù hợp với điều kiện sản xuất, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng, hạ giá thành sản phẩm.

b) Hỗ trợ đổi mới công nghệ

Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nâng cấp, hoàn thiện công nghệ đã có để đảm bảo tính ổn định, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu an toàn và môi trường; đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn thay thế công nghệ lạc hậu bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

Hỗ trợ doanh nghiệp thiết kế, bố trí, lắp đặt và đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất theo công nghệ mới; áp dụng tự động hóa, số hóa và công nghệ thông minh nhằm tối ưu quy trình sản xuất; cải tiến dây chuyền hiện hữu để nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh; bảo đảm dây chuyền phù hợp với quy định về kỹ thuật, an toàn lao động, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

c) Hỗ trợ sáng tạo công nghệ

Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp với các nguồn cung công nghệ trong và ngoài nước; cung cấp thông tin, tư vấn để doanh nghiệp có thể lựa chọn được thiết bị, máy móc tiên tiến, hiện đại, phù hợp với quy mô sản xuất, đặc thù ngành nghề và điều kiện kinh tế - kỹ thuật của đơn vị. Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp trong các thủ tục mua sắm, nhập khẩu, đàm phán hợp đồng nhằm đảm bảo thiết bị, công nghệ mua về đạt hiệu quả cao, giá thành hợp lý và dễ dàng tích hợp vào sản xuất.

Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp sắp xếp, bố trí, đồng bộ hóa hệ thống thiết bị, máy móc để hình thành dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh, khoa học, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Bên cạnh đó, khuyến khích áp dụng các giải pháp hiện đại như tự động hóa, số hóa và công nghệ thông minh nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất, bảo đảm chất lượng sản phẩm đồng đều và khả năng mở rộng quy mô. Đây là khâu quan trọng để công nghệ mới không chỉ dừng lại ở thiết bị riêng lẻ mà trở thành một hệ thống sản xuất hiệu quả.

Hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn hóa toàn bộ quy trình vận hành dây chuyền sản xuất theo công nghệ mới. Hồ sơ kỹ thuật bao gồm: Hướng dẫn vận hành chi tiết, quy trình kiểm tra - bảo trì - bảo dưỡng định kỳ, danh mục vật tư, phụ tùng thay thế, các tiêu chuẩn an toàn lao động, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Việc xây dựng hồ sơ này giúp doanh nghiệp chủ động duy trì sự ổn định của dây chuyền, kéo dài tuổi thọ thiết bị, phòng ngừa sự cố, đồng thời đáp ứng yêu cầu pháp lý trong kiểm định, chứng nhận chất lượng.

d) Hỗ trợ nâng cao hiệu suất công nghệ

Hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn hóa quy trình sản xuất, xây dựng và công bố áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, đảm bảo sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn và tính tương thích.

Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý tiên tiến (như ISO, HACCP, GMP, Lean, Six Sigma...) và công cụ cải tiến năng suất giúp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành. Kết hợp, triển khai áp dụng công cụ cho sản xuất và dịch vụ thông minh (ứng dụng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, IoT) giúp doanh nghiệp tiến tới chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Hỗ trợ doanh nghiệp kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa để bảo đảm sản phẩm, dịch vụ và quy trình sản xuất đạt chuẩn mực quốc gia, quốc tế, tạo niềm tin với người tiêu dùng.

Hỗ trợ hoạt động chứng nhận, giám định giúp doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia thị trường xuất khẩu, đặc biệt với các ngành đòi hỏi chứng nhận khắt khe như thực phẩm, sản phẩm Halal.

Hỗ trợ công nhận năng lực tổ chức đánh giá sự phù hợp giúp doanh nghiệp địa phương tiếp cận nhanh dịch vụ, thêm sự lựa chọn trong việc đánh giá và chứng nhận, tạo môi trường cạnh tranh công bằng.

Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, để bảo vệ thành quả nghiên cứu, sản phẩm.

Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ, biến các sáng chế, giải pháp công nghệ thành sản phẩm, dịch vụ có giá trị kinh tế. Đồng thời, hỗ trợ tư vấn xây dựng chiến lược phát triển tài sản trí tuệ bền vững, giúp doanh nghiệp nâng cao lợi thế cạnh tranh và hạn chế rủi ro tranh chấp pháp lý.

Hỗ trợ doanh nghiệp bảo đảm công nghệ, dây chuyền sản xuất mới được kiểm chứng thực tiễn, vận hành ổn định trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt; hoạt động tối ưu hóa dây chuyền công nghệ giúp khai thác tối đa công suất, giảm thiểu lãng phí nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng và chi phí.

Hỗ trợ đào tạo nhân lực vận hành, bảo trì giúp doanh nghiệp chủ động về kỹ thuật, duy trì hoạt động sản xuất ổn định, giảm phụ thuộc vào chuyên gia bên ngoài và bên thứ 3.

Hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu và tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế thông qua các hội chợ, triển lãm, kết nối cung - cầu công nghệ, thương mại điện tử, hợp tác với các kênh phân phối hiện đại để đưa sản phẩm, hàng hóa, quy trình kinh doanh vào thực tiễn, tạo ra giá trị kinh tế và xã hội.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

4.2. Xây dựng hệ thống ĐMST, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

*** Về nhiệm vụ**

a) Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu quốc gia về ĐMST, truyền thông và phát triển văn hóa ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo

Phối hợp xây dựng thông điệp thương hiệu quốc gia về ĐMST thống nhất. Triển khai hoạt động truyền thông thương hiệu quốc gia về ĐMST đa kênh; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức tham gia đồng hành; hình thành phong trào gắn liền thương hiệu ĐMST với uy tín, chất lượng sản phẩm Việt Nam.

Tổ chức truyền thông đa dạng qua báo chí, truyền hình, mạng xã hội; xây dựng câu chuyện điển hình để lan tỏa; hình thành tư duy dám nghĩ - dám làm, chấp nhận rủi ro trong ĐMST; nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp trong thế hệ trẻ.

b) Triển khai hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực

Hỗ trợ đào tạo kiến thức quản trị ĐMST, kỹ năng gọi vốn, tiếp cận vốn, quản lý dự án; tư vấn mô hình kinh doanh, tham gia sandbox công nghệ; thủ tục pháp lý, sở hữu trí tuệ, kế toán, marketing.

c) Xây dựng và triển khai các giải thưởng cho dự án khởi nghiệp sáng tạo có thành tích xuất sắc

Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo, trên cơ sở hệ thống tiêu chí đánh giá minh bạch, tổ chức xét chọn, trao giải hằng năm. Các dự án khởi nghiệp sáng tạo có thành tích xuất sắc ngoài giải thưởng đi kèm với cơ chế hỗ trợ (vốn, tư vấn, xúc tiến thương mại) để các dự án có thể phát triển thành doanh nghiệp thành công.

d) Thành lập và vận hành tổ chức cung cấp dịch vụ cho ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo

Thành lập và đưa vào vận hành Trung tâm ĐMST, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cung cấp dịch vụ, hạ tầng và giải pháp nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới, khai thác tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chuyển đổi số và phát triển doanh

nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, kết nối, phát triển hệ thống ĐMST, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ hình thành, phát triển mô hình kinh doanh sáng tạo dựa trên công nghệ, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh mới, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, do nhân, nhóm cá nhân hoặc tổ chức thực hiện thông qua không gian làm việc chung, vườn ươm công nghệ.

Thành lập và đưa vào vận hành loại hình Sàn giao dịch công nghệ nhằm hỗ trợ phát triển thị trường KHCN, hình thành và phát triển môi trường kết nối cung - cầu công nghệ, thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc tìm kiếm, lựa chọn, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

Nghiên cứu thành lập Quỹ khởi nghiệp sáng tạo nhằm mục tiêu hỗ trợ tài chính, chia sẻ kinh nghiệm và kết nối mạng lưới cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có tiềm năng, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong giai đoạn đầu.

Xây dựng mạng lưới chuyên gia, cố vấn (mentor, coach), nhà đầu tư thiên thần hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

đ) Tổ chức sự kiện ngày hội ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh

Tổ chức ngày hội ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo nhằm tạo diễn đàn kết nối rộng rãi, nơi các doanh nghiệp, viện, trường, quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ gặp gỡ, trao đổi. Không chỉ dừng lại ở việc trưng bày, giới thiệu dự án, mà còn là cơ hội kết nối đầu tư, thương mại hóa sản phẩm, hình thành hệ sinh thái hỗ trợ đồng bộ. Sự kiện cũng góp phần nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo.

e) Tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ được chuyển giao, làm chủ; xúc tiến thương mại cho hoạt động ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo

Hỗ trợ trình diễn công nghệ trực tiếp tại nhà máy, xưởng sản xuất; kết nối giữa đơn vị nghiên cứu và doanh nghiệp. Khuyến khích hoạt động thử nghiệm, mô phỏng, tạo cơ sở khoa học - thực tiễn để thúc đẩy đầu tư, áp dụng công nghệ, đưa các công nghệ đã được nghiên cứu, phát triển hoặc chuyển giao vào thực tiễn.

Hỗ trợ xây dựng kênh xúc tiến trực tuyến qua nền tảng số; kết nối cung - cầu công nghệ và sản phẩm ĐMST; đưa sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế. Đây là mắt xích quan trọng giúp dự án khởi nghiệp sáng tạo vượt qua giai đoạn thử nghiệm để bước vào sản xuất và thương mại hóa.

g) Kết nối mạng lưới ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp và các nhà đầu tư tham gia mạng lưới hợp tác.

Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội chợ công nghệ, ngày hội khởi nghiệp ĐMST để thúc đẩy giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa các chủ thể. Đồng thời, đẩy mạnh kết nối với mạng lưới ĐMST trong và ngoài nước, tranh thủ nguồn lực chuyên gia và doanh nghiệp có tiềm lực công nghệ nhằm hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, mở rộng thị trường cho sản phẩm khởi nghiệp.

Ứng dụng các nền tảng số trong kết nối, trao đổi thông tin, hình thành cơ sở dữ liệu chung về ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu quả phối hợp, giảm chi phí và thời gian tiếp cận nguồn lực cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

5. Tăng cường tiềm lực KHCN và ĐMST

*** Về nhiệm vụ:**

a) Tăng cường tiềm lực KHCN và ĐMST cho Trung tâm thông tin - Ứng dụng KHCN và ĐMST, Trại thực nghiệm KHCN và ĐMST, Trung tâm Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng, Trạm trại thực nghiệm đáp ứng điều kiện thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và khả năng tự chủ theo lộ trình, thời gian quy định.

b) Đầu tư hạ tầng thông tin và thống kê KHCN và ĐMST; kết nối nguồn thông tin KHCN và ĐMST quốc gia phục vụ nghiên cứu triển khai, ứng dụng KHCN và ĐMST.

c) Đề xuất triển khai thực hiện các quy định về trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh trí thức trong lĩnh vực KHCN và ĐMST, đặc biệt là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, các chuyên gia có trình độ, năng lực tốt. Triển khai thí điểm và nhân rộng mô hình các phòng thí nghiệm chế tạo (Fablab), vườn ươm doanh nghiệp và tổ chức thúc đẩy kinh doanh...

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

6. Hợp tác về KHCN và ĐMST

a) Phát huy thế mạnh của các đối tác vùng, tiếp tục hợp tác tích cực với các Trường, Viện trên lĩnh vực nghiên cứu, chuyên gia và đào tạo nhân lực KHCN và ĐMST, triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN và ĐMST gắn với

các chương trình KHCN và ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Tăng cường kết nối với các doanh nghiệp để cùng tham gia phát triển KHCN và ĐMST, thu hút nguồn vốn thực hiện các dự án phát triển KHCN và ĐMST.

c) Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, triển lãm giới thiệu thành tựu KHCN và ĐMST tiên tiến; hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thu hút dự án đầu tư công nghệ cao. Chú trọng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ KHCN và ĐMST, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích cán bộ KHCN và ĐMST đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế trong và ngoài nước. Tăng cường hợp tác quốc tế với các tổ chức, cá nhân và người Việt Nam ở nước ngoài trong hoạt động chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp và thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường và các tổ chức và cá nhân liên quan.
- Thời gian: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp, vốn đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước, việc lập dự toán ngân sách hằng năm được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và được bố trí vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan được giao chủ trì nhiệm vụ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý và triển khai Kế hoạch này; có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, hợp tác xã về KHCN và ĐMST, khởi nghiệp ĐMST, sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xây dựng danh mục nhiệm vụ KHCN và ĐMST trọng điểm của tỉnh; tham mưu đặt hàng các nhiệm vụ thuộc các chương trình cấp quốc gia. Ưu tiên nhiệm vụ ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp, chế biến nông sản, năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Lựa chọn và triển khai các công nghệ ưu tiên theo định hướng quốc gia và địa

phương (AI, IoT, công nghệ sạch, vật liệu mới...).

- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu KHCN và ĐMST của tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia. Phát triển nền tảng dữ liệu mở về kết quả nghiên cứu, sáng chế, công nghệ, giống cây - con để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, đổi mới quy trình sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn xanh, xuất khẩu.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước. Kết nối mạng lưới chuyên gia, đề thu hút tri thức, công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tổ chức hướng dẫn, xây dựng, hình thành và phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, hợp tác xã và trang trại ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Ưu tiên các mô hình áp dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, IoT, tự động hóa, truy xuất nguồn gốc và hệ thống canh tác thông minh thích ứng biến đổi khí hậu.

Khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng, quản lý và cập nhật mã vùng trồng đối với các cây trồng chủ lực của tỉnh; gắn với tiêu chuẩn GAP, hữu cơ và yêu cầu của thị trường xuất khẩu. Xây dựng cơ sở dữ liệu số về mã vùng trồng, kết nối với hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP), Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ và các chương trình, đề án khác của ngành. Khuyến khích phát triển các sản phẩm đặc sản, sản phẩm gắn chỉ dẫn địa lý, thương hiệu vùng và bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Đổi mới sáng tạo và chuỗi giá trị nông nghiệp: Hình thành và vận hành hệ thống ĐMST ngành nông nghiệp, gắn với mô hình kinh tế nông nghiệp, chuỗi sản xuất – chế biến – tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng các chuỗi giá trị đối với sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh, phù hợp vùng sinh thái và định hướng phát triển bền vững.

Bảo vệ môi trường và phát triển nông thôn bền vững: Triển khai các giải pháp quản lý và xử lý chất thải nông nghiệp; phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu sinh học trong sản xuất nông nghiệp.

Hình thành và vận hành ít nhất 5 chuỗi giá trị đối với sản phẩm chủ lực trước năm 2028.

Tăng cường liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản.

Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội chợ công nghệ nông nghiệp để kết nối

cung - cầu và xúc tiến thương mại.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; xây dựng hệ thống dữ liệu số, liên thông, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại (GIS, viễn thám, AI, IoT, Big Data, blockchain...) trong giám sát chất lượng môi trường, giám sát nguồn thải; tài nguyên nước; quản lý địa chất và khoáng sản, đáp ứng yêu cầu về phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và ĐMST đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững”.

3. Sở Công Thương

Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Phối hợp với Sở Tài chính thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, ứng dụng AI, IoT, Bigdata, tự động hóa và các giải pháp số trong sản xuất, quản trị và chuỗi cung ứng.

Phát triển ngành công nghiệp chế biến chuyên sâu và công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm để xuất khẩu; phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh, gắn với chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc.

Xây dựng chương trình tập huấn doanh nghiệp về thương mại hoá sản phẩm; hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, khai thác dữ liệu và mô hình quản trị hiện đại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ triển khai chương trình tập huấn cho doanh nghiệp về quản trị đổi mới sáng tạo và bảo hộ trí tuệ.

Triển khai hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2026 – 2030. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn. Xây dựng mô hình thí điểm ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo vào sản xuất và đời sống.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tiêu chuẩn, quy chuẩn của các thị trường xuất khẩu. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu, phát triển thương mại điện tử và thương hiệu trực tuyến. Tổ chức các sự kiện, hội chợ chuyên ngành gắn với quảng bá sản phẩm công nghiệp – nông nghiệp chủ lực.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các ngành, đơn vị liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và chuyên gia trong lĩnh vực KHCN.

Xác định nhu cầu nhân lực theo từng lĩnh vực trọng tâm của kế hoạch phát triển KHCN và ĐMST; xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Rà soát, đề xuất chính sách thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và giữ chân nhân tài, đội ngũ cán bộ chất lượng cao, cán bộ khoa học công nghệ; phát triển lực lượng chuyên gia, nhà khoa học.

Tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực KH-CN và ĐMST phù hợp với tình hình thực tế, tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo và phát triển bền vững của đội ngũ cán bộ, chuyên gia.

Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, báo cáo định kỳ kết quả đào tạo, thu hút và sử dụng nhân lực phục vụ KH-CN và ĐMST trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các chương trình, dự án trong lĩnh vực KH-CN nhằm triển khai Kế hoạch đảm bảo theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh; hằng năm, trên cơ sở dự toán được duyệt, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách để đơn vị thực hiện theo quy định.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các ngành liên quan lấy ý kiến thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các nội dung liên quan đến công nghệ trong dự án đầu tư của các nhà đầu tư nằm ngoài Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế, Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Chủ trì phối hợp trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định pháp luật, bảo đảm tối thiểu 1,0 - 1,5% tổng chi ngân sách cho KH-CN, ĐMST.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu và đề xuất các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, vừa và khởi nghiệp ĐMST.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, ban hành cơ chế, chính sách tài chính tạo động lực cho hoạt động KH-CN và ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng chính sách thu hút chuyên gia nhà khoa học.

Thực hiện kiểm tra, giám sát sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, địa phương và các nguồn vốn lồng ghép khác đảm bảo theo quy định pháp luật.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để thống nhất đơn vị chủ trì, tham mưu thực hiện việc hướng dẫn xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và giống cây trồng mới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Các sở, ngành, UBND các xã, phường

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện.

Các đơn vị được phân công nhiệm vụ cần chủ động, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch hằng năm để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

Đẩy mạnh việc triển khai hoạt động KHCN và ĐMST cấp xã, phường đặc biệt là đối với việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước trên lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, các hoạt động kiểm tra, thông tin phổ biến pháp luật về KHCN và ĐMST, ứng dụng các tiến bộ KHCN và ĐMST trên địa bàn. Hằng năm, bố trí, thực hiện chi cho hoạt động KHCN và ĐMST trong dự toán ngân sách nhà theo đúng quy định.

7. Các tổ chức KHCN và doanh nghiệp KHCN và ĐMST

Xây dựng kế hoạch triển khai phát triển và ứng dụng KHCN và ĐMST phù hợp với năng lực và điều kiện riêng.

Chủ động tham gia cung cấp dịch vụ, tổ chức nghiên cứu, đổi mới công nghệ và các hoạt động phát triển KHCN và ĐMST trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện hiệu quả kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 -2030, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Định kỳ trước ngày 05/12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh. (Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối tổng hợp các khó khăn, vướng mắc từ các đơn vị, đề xuất UBND tỉnh phương án xử lý; trường hợp nhiệm vụ liên quan nhiều sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức hợp liên ngành dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND tỉnh để thống nhất phương án)./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Các Phòng, TT: TH, ĐTKT, NV, NMMT; PVHCC, CN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Ng-10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Chữ ký]
Tạ Anh Tuấn